

## ĐÁNH GIÁ TÍNH ĐA DẠNG THỰC VẬT TẠI HUYỆN CHỢ MỚI TỈNH BẮC KẠN

**HOÀNG THỊ THÚY HẰNG, HOÀNG VIỆT NGỌC,  
HOÀNG VIỆT DŨNG, NGUYỄN THỊ NGUYỆT MINH**  
*Trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên*

Rừng là tài nguyên quan trọng, là lợi thế lớn của huyện Chợ Mới nói riêng, tỉnh Bắc Kạn nói chung. Huyện Chợ Mới có tổng diện tích đất là 60.651 ha, trong đó diện tích đất lâm nghiệp là 50.138 ha, chiếm 82,67% diện tích đất toàn huyện. Huyện Chợ Mới hiện đang lưu giữ trong mình các giá trị sinh học rất đa dạng và phong phú.

Những năm qua, huyện Chợ Mới đã đầu tư nhiều cho công tác quản lý, phát triển và khai thác tài nguyên rừng, tuy nhiên vẫn còn nhiều bất cập. Để làm tốt hơn nữa, ngoài các biện pháp hành chính, cần quan tâm tới công tác quy hoạch, lồng ghép các chương trình nhằm vừa phát triển rừng, vừa khai thác tốt các nguồn lợi rừng và nâng cao mức sống cộng đồng dân cư trong khu vực.

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu theo Nguyễn Nghĩa Thìn (1997, 2004, 2007).

Phân chia dạng sống (life form) thực vật theo thang phân loại của Raunkiaer (1934).

Thống kê các loài thực vật có giá trị sử dụng, các loài thực vật quý hiếm theo Nguyễn Tiến Bản (2005), Võ Văn Chi (2012), Phạm Hoàng Hộ (1999, 2000), Triệu Văn Hùng (2007), Trần Đình Lý (1993), Sách Đỏ Việt Nam (2007), Nghị định số 32/2006/NĐ - CP của Chính phủ.

### II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

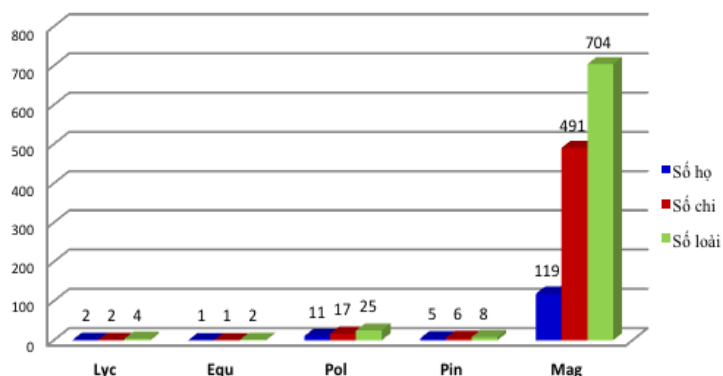
#### 1. Sự đa dạng về thành phần các taxon

Hệ thực vật huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn khá phong phú và đa dạng. Qua quá trình điều tra ban đầu, chúng tôi đã ghi nhận được 743 loài thuộc 517 chi, 138 họ và 5 ngành thực vật bậc cao có mạch chi tiết được thể hiện ở bảng 1, và hình 1. Điều đó khẳng định rằng hệ thực vật Chợ Mới rất phong phú và đa dạng về số loài, chi, họ của Magnoliophyta.

*Bảng 1*

**Phân bố các taxon trong khu vực nghiên cứu**

Tên ngành		Họ		Chi		Loài	
Khoa học	Việt Nam	Số loài	Tỷ lệ	Số loài	Tỷ lệ	Số loài	Tỷ lệ
Lycopodiophyta	Thông đất	2	1,43	2	0,39	4	0,54
Equisetophyta	Cỏ tháp bút	1	0,72	1	0,19	2	0,27
Polypodiophyta	Dương xỉ	11	7,97	17	3,29	25	3,36
Pinophyta	Thông	5	3,62	6	1,16	8	1,08
Magnoliophyta	Ngọc lan	119	86,26	491	94,97	704	94,75
- Magnoliopsida	- Lớp Ngọc lan	97	70,28	410	79,3	589	79,27
- Liliopsida	- Lớp Hành	22	15,98	81	15,67	115	15,48
<b>Tổng</b>		<b>138</b>	<b>100</b>	<b>517</b>	<b>100</b>	<b>743</b>	<b>100</b>

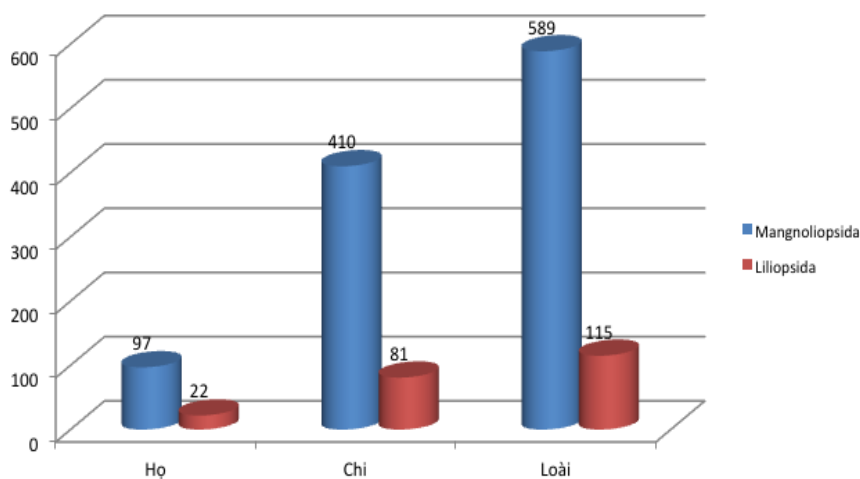


Hình 1: Sự phân bố các taxon trong các ngành thực vật ở huyện Chợ Mới

Ghi chú: Lyc - Ngành Thông đất (Lycopodiophyta); Equ - Ngành Cỏ thấp bút (Equisetophyta); Pol - Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta); Pin - Ngành Thông (Pinophyta); Mag - Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta).

Hệ thực vật huyện Chợ Mới tỉnh Bắc Kạn có đại diện của 5 ngành thực vật bậc cao có mạch. Trong đó phần lớn các taxon tập trung ở ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) với 704 loài chiếm 94,75%; trong 491 chi chiếm 94,97% và 119 họ chiếm 86,26% so với tổng số loài, chi, họ của cả hệ thực vật. Tiếp đến là ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) với 25 loài chiếm 3,36%, 17 chi chiếm 3,29% và 11 họ chiếm 7,97% tổng số loài, chi, họ của cả hệ thực vật. Các ngành còn lại là ngành Thông đất (Lycopodiophyta), ngành Cỏ thấp bút (Equisetophyta) và ngành Thông (Pinophyta) chiếm tỷ lệ nhỏ không đáng kể, tổng số loài của 3 ngành trên chiếm 1,88% so với tổng số loài của cả khu hệ thực vật vùng nghiên cứu. Qua đây ta nhận thấy rằng, mỗi ngành trong hệ thực vật có vai trò khác xa nhau như ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) chiếm 94,75% với số lượng là 704 loài, trong khi 4 ngành còn lại không ngành nào có số lượng loài vượt quá 5%. Kết quả trên phù hợp với sự tiến hóa của thực vật là Magnoliophyta luôn chiếm ưu thế và cao vượt trội hơn hẳn so với các ngành khác trong giới thực vật.

Các taxon có sự phân bố không đều nhau không chỉ ở các ngành thực vật mà còn được thể hiện giữa Lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) và Lớp Hành (Liliopsida) trong ngành Ngọc lan (Magnoliophyta), kết quả được thể hiện ở hình 2.



Hình 2: Số lượng các bậc taxon trong 2 lớp của Magnoliophyta

Những họ có nhiều loài nhất (từ 10 loài trở lên) là họ Thầu dầu (Euphorbiaceae) - 45 loài; họ Hòa thảo (Poaceae) - 38 loài; họ Đậu (Fabaceae) - 28 loài; họ Cúc (Asteraceae) - 23 loài; họ Cà phê (Rubiaceae), họ Vang (Caesalpiniaceae) - 21 loài; họ Trúc đào (Apocynaceae) - 18 loài; họ Na (Annonaceae) - 17 loài; họ Long não (Lauraceae), họ Dâu tằm (Moraceae) - 15 loài; họ Ô rô (Acanthaceae) - 13 loài; họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae) - 12 loài; họ Trôm (Sterculiaceae), họ Cam (Rutaceae), họ Hoa tán (Apiaceae) - 11 loài; họ Dẻ (Fagaceae), họ Lan (Orchidaceae), họ Nho (Vitaceae), họ Khoai lang (Convolvulaceae) và họ Ngũ gia bì (Araliaceae) mỗi họ có 10 loài. Các họ nhiều loài nhất tại khu vực nghiên cứu đều là những họ lớn và giàu loài của hệ thực vật Việt Nam. Để đánh giá sự đa dạng bậc họ của hệ thực vật huyện Chợ Mới 10 họ giàu loài nhất đã được thống kê, kết quả được trình bày ở bảng 2 và hình 3.

Bảng 2

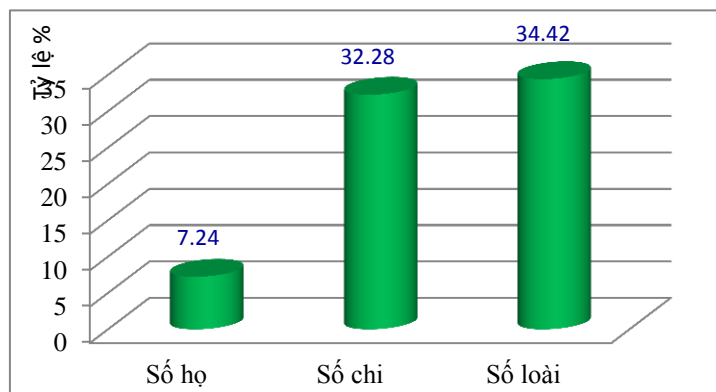
Mười họ giàu loài nhất của hệ thực vật huyện Chợ Mới

TT	Tên họ		Loài		Chi	
	Khoa học	Việt Nam	Số loài	Tỷ lệ	Số loài	Tỷ lệ
1	Euphorbiaceae	Thầu dầu	45	6,06	26	5,02
2	Poaceae	Hòa thảo	38	5,11	32	6,19
3	Fabaceae	Đậu	28	3,79	18	3,49
4	Asteraceae	Cúc	23	3,09	18	3,49
5	Rubiaceae	Cà phê	21	2,82	14	2,70
6	Caesalpiniaceae	Vang	21	2,82	13	2,51
7	Apocynaceae	Trúc đào	18	2,42	16	3,09
8	Annonaceae	Na	17	2,29	12	2,32
9	Lauraceae	Long não	15	2,01	10	1,93
10	Moraceae	Dâu tằm	15	2,01	8	1,54
<b>Tổng cho 10 họ (= 7,24% tổng số họ)</b>			<b>241</b>	<b>32,42</b>	<b>167</b>	<b>32,28</b>

Bảng 2 cho thấy 10 họ giàu loài nhất (mỗi họ có từ 15 - 45 loài) mặc dù chỉ chiếm 7,24% tổng số họ của toàn hệ thực vật huyện Chợ Mới, nhưng có 241 loài chiếm (32,42% tổng số loài) và 167 chi (chiếm 32,28% tổng số chi). Kết quả này phù hợp với nhận định của A. I. Tolmachop (1974), rằng ở vùng nhiệt đới gió mùa, thành phần thực vật khá đa dạng, được thể hiện ở chỗ là rất ít họ có thành phần loài chiếm đến 10% tổng số loài của hệ thực vật và tỷ lệ % của 10 họ giàu loài nhất chỉ đạt 40 -50% tổng số loài của cả hệ thực vật. Ở huyện Chợ Mới, 10 họ giàu loài nhất chỉ chiếm 32,42% tổng số loài chứng tỏ thành phần họ rất đa dạng.

Trong số những họ còn lại, những họ có từ 7 đến 9 loài gồm họ Đào lộn hột (Anacardiaceae), họ Bạch hoa (Capparaceae), họ Bông (Malvaceae), họ Xoan (Meliaceae), họ Trinh nữ (Mimosaceae), họ Đơn nem (Myrsinaceae), họ Sim (Myrtaceae), họ Cà (Solanaceae), họ Chè (Theaceae), họ Đay (Tiliaceae), họ Ráy (Araceae), họ Cau (Arecaceae), họ Cói (Cyperaceae), họ Khúc khắc (Smilacaceae) và họ Gừng (Zingiberaceae); những họ có từ 4 đến 6 loài gồm họ Tóc vện (Adiantaceae), họ Thích (Aceraceae), họ Dương đào (Actinidiaceae), họ Trâm bụi (Aquifoliaceae), họ Thiên lý (Asclepiadaceae), họ Núc nác (Bignoniaceae), họ Kim ngân (Caprifoliaceae), họ Bứa (Clusiaceae), họ Bầu bí (Cucurbitaceae), họ Sô (Dilleniaceae), họ Mùng quân (Flacourtiaceae), họ Hồ đào (Juglandaceae), họ Mộc lan (Magnoliaceae), họ Tiết dê (Menispermaceae), họ Táo (Rhamnaceae), họ Hoa hồng (Rosaceae), họ Bò hòn (Sapindaceae), họ Hoa mồm chó (Scrophulariaceae), họ Thanh thất (Simaroubaceae), họ Du (Ulmaceae), họ Gai (Urticaceae); các họ còn lại có từ 1 đến 3 loài như họ Tuế (Cycadaceae), họ Thông đất (Lycopodiaceae), họ Bông bong (Schizeaceae), họ Bụt mọc (Taxaceae), họ Tô hạp

(Altingiaceae), họ Bông gạo (Bombacaceae), họ Trám (Burseraceae), họ Phay (Duabangaceae), họ Nhót (Elaeagnaceae), họ Ban (Hypericaceae) và họ Mã tiền (Loganiaceae). Đa số các loài thực vật ở đây đều có sự phân bố rộng ở các vùng khác trong cả nước, đó là các loài thuộc họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Dâu tằm (Moraceae), họ Cúc (Asteraceae) và họ Cà phê (Rubiaceae). Nhưng cũng có những loài ở huyện Chợ Mới với số lượng cá thể ít, cần được bảo vệ như Đinh (*Markhamia stipulata*), Gụ lau (*Sindora tonkinensis*), Mộc lan ford (*Magnolia fordiana*), Nghiến (*Burretiodendron hsienmu*), Giổi (*Michelia balansae*), Du sam núi đá (*Keteleeria davidiana*) và Trai (*Garcinia fagraeoides*).



Hình 3: Tỷ lệ % của 10 họ giàu loài nhất

Để đánh giá đa dạng hệ thực vật ở bậc chi, 10 chi giàu loài nhất của hệ thực vật huyện Chợ Mới đã được thống kê. Mặc dù chi chiếm 1,93% tổng số chi nhưng có tới 54 loài chiếm 7,24% so với tổng số loài của cả khu hệ (bảng 3).

Bảng 3

Mười chi giàu loài nhất của hệ thực vật huyện Chợ Mới

TT	Chi	Họ	Số loài	Tỷ lệ so với khu hệ (%)
1	<i>Ficus</i>	Moraceae	7	0,94
2	<i>Mallotus</i>	Euphorbiaceae	7	0,94
3	<i>Acer</i>	Aceraceae	6	0,80
4	<i>Ilex</i>	Aquifoliaceae	6	0,80
5	<i>Bauhinia</i>	Caesalpiniaceae	5	0,67
6	<i>Fissistigma</i>	Annonaceae	5	0,67
7	<i>Garcinia</i>	Clusiaceae	5	0,67
8	<i>Solanum</i>	Solanaceae	5	0,67
9	<i>Melastoma</i>	Melastomataceae	4	0,54
10	<i>Crotalaria</i>	Fabaceae	4	0,54
<b>10 chi giàu loài nhất (= 1,93% tổng số chi)</b>			<b>54</b>	<b>7,24</b>

Qua bảng 3 cho thấy, phần lớn các chi giàu loài đại diện cho vùng nhiệt đới. Điều đó cho thấy tính chất hệ thực vật ở đây phù hợp với khu vực nhiệt đới gió mùa.

## 2. Về phổ dạng sống

Dạng sống là kết quả thích nghi lâu dài của thực vật với điều kiện sống của chúng. Cơ sở quan trọng nhất để sắp xếp các nhóm dạng sống đó là xem trong thời kỳ khó khăn cho cuộc sống loài đó tồn tại dưới dạng sống nào chỉ là hạt nghỉ hay có cả chồi, nếu có chồi thì chồi nằm

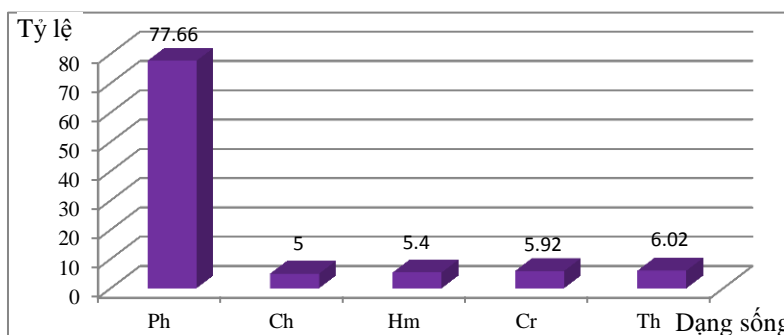
ở vị trí nào so với mặt đất, có được bảo vệ hay không... Theo thang phân loại dạng sống của Raunkiaer (1934) thực vật tại huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn có 5 nhóm dạng sống cơ bản, với 11 kiểu dạng sống (bảng 4).

Bảng 4

Các nhóm dạng sống và kiểu dạng sống của thực vật

Dạng sống	Ký hiệu	Số loài	Tỷ lệ %
<b>Nhóm cây chồi trên</b>	<b>Ph</b>	<b>577</b>	<b>77,66</b>
<i>Cây chồi trên to</i>	<i>Mg</i>	57	7,67
<i>Cây chồi trên nhỏ</i>	<i>Me</i>	166	22,34
<i>Cây chồi trên lớn</i>	<i>Mi</i>	95	12,79
<i>Cây chồi trên thân thảo</i>	<i>Na</i>	141	18,98
<i>Cây chồi trên thân leo</i>	<i>Hp</i>	3	0,40
<i>Cây bì sinh</i>	<i>Lp</i>	112	15,07
<i>Cây bì sinh</i>	<i>Ep</i>	3	0,40
<b>Nhóm cây chồi mặt đất</b>	<b>Ch</b>	<b>37</b>	<b>4,97</b>
<b>Nhóm cây chồi nửa ẩn</b>	<b>Hm</b>	<b>40</b>	<b>5,38</b>
<b>Nhóm cây chồi ẩn</b>	<b>Cr</b>	<b>44</b>	<b>5,92</b>
<b>Nhóm cây một năm</b>	<b>Th</b>	<b>45</b>	<b>6,06</b>

Trong các nhóm dạng sống thì nhóm có số loài nhiều nhất là Cây chồi trên (Ph) (577 loài; chiếm 77,66% tổng số loài) và nhóm Cây một năm (Th) (45 loài; 6,02%); tiếp đến là các nhóm nhóm Cây chồi ẩn (Cr) (44 loài; 5,92%), nhóm Cây chồi nửa ẩn (Hm) (40 loài; 5,40%) và nhóm Cây chồi mặt đất (Ch) (37 loài; 5,0%) (bảng 4, hình 4). Tỷ lệ loài thực vật thuộc nhóm Cây chồi trên (Ph) cao thể hiện đầy đủ vai trò hệ thực vật rừng mưa nhiệt đới. Do tính chất phong phú về số lượng cây gỗ trong hệ thực vật là một đặc điểm quan trọng nhất của rừng mưa nhiệt đới và nhiều đặc tính khác cũng phụ thuộc vào đó.



Hình 4: Phổ dạng sống thực vật huyện Chợ Mới

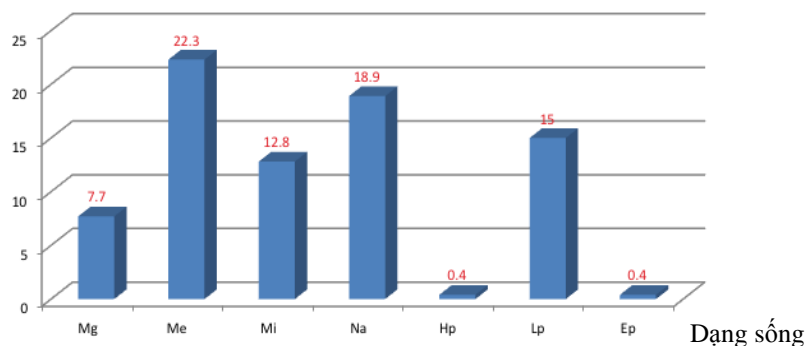
Căn cứ vào sự phân bố của các loài trong các kiểu dạng sống (bảng 4) ta có thể lập được phổ dạng sống (Biological Spectrum – Raunkiaer, 1934) theo năm nhóm dạng sống cơ bản trong các kiểu thảm thực vật.

$$SB = 77,66 \text{ Ph} + 5,0 \text{ Ch} + 5,4 \text{ Hm} + 5,92 \text{ Cr} + 6,02 \text{ Th}$$

Trong quá trình phân tích dạng sống của hệ thực vật Chợ Mới, ngoài 5 dạng sống chính chúng tôi quan tâm đến các kiểu dạng sống của nhóm cây chồi trên (Ph). Kiểu dạng sống chiếm ưu thế nhất trong nhóm dạng sống này là cây chồi trên nhỏ, cây chồi trên lớn, cây thân leo và cây chồi trên nhỏ, chiếm tỷ lệ lần lượt là 22,3%, 18,9%, 15,0% và 12,8%; trong khi đó, kiểu

dạng sống cây chồi trên to, cây chồi trên thân thảo và cây bì sinh chiếm tỷ lệ thấp, lần lượt là (7,7%, 0,4% và 0,4%) (bảng 4 và hình 5). Trong nhóm cây chồi trên, xuất hiện cây thân leo, cây thân thảo, cây bì sinh chứng tỏ tính nhiệt đới của khu hệ.

Tính nhiệt đới của khu hệ còn được thể hiện qua các nhóm cây chồi mặt đất (5,0%), nhóm cây chồi nửa ẩn (5,4%) và nhóm cây chồi ẩn (5,92%). Các nhóm này đã tạo nên sự phong phú về dạng sống của thảm thực vật.

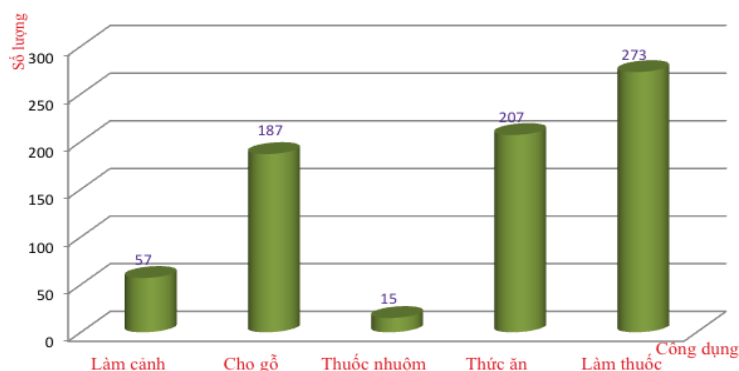


Hình 5: Tỷ lệ % về số loài của nhóm dạng sống cây chồi trên (Ph)

Trong phổ dạng sống của hệ thực vật ở huyện Chợ Mới tỉnh Bắc Kạn, xuất hiện nhóm cây một năm (chiếm 6,02%). Tuy tỷ lệ này thấp, nhưng phần nào cũng phản ánh tính thoái hóa của thảm thực vật ở đây, và nhóm dạng sống cây một năm thường gặp ở môi trường có nhiều điều kiện bất lợi. Trong thảm thực vật của khu hệ, cây thân gỗ to chiếm tỷ lệ tương đối thấp (7,7%), cùng với sự xuất hiện của nhóm cây một năm cho ta thấy rằng, mức độ che phủ của rừng ngày càng giảm đi, cường độ chiếu sáng của ánh nắng mặt trời ngày càng tăng, kéo theo những điều kiện sống ngày càng khắc nghiệt và điều tất yếu sẽ xảy ra đó là sự đào thải những dạng sống kém thích nghi như cây thân gỗ, thay vào đó là những dạng sống thích hợp hơn, là cây thân cỏ và cây một năm.

### 3. Đa dạng về công dụng

Tiến hành thống kê các loài có giá trị sử dụng, hệ thực vật ở huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn không chỉ đa dạng về thành phần loài mà còn đa dạng về giá trị sử dụng.



Hình 6: Các nhóm công dụng thực vật ở huyện Chợ Mới

Ghi chú: Một loài có thể có 1 hoặc nhiều công dụng

Trong tổng số 743 loài được ghi nhận, có 635 loài là cây có ích, với công dụng làm cảnh (57 loài), cho gỗ (187 loài), làm thuốc nhuộm (15 loài), cây ăn được (207 loài) và làm thuốc (486 loài); các loài còn lại chưa rõ công dụng hoặc thiếu dữ liệu. Điều đáng nói ở đây là, đối với

những người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu vùng xa thì nguồn dược liệu từ thiên nhiên là một loại thuốc hữu hiệu trong việc chữa trị bệnh thông thường như đi ngoài, đầy hơi, hạ sốt, tẩm khi bị mẩn ngứa, viêm nhiễm ngoài da... Các loài cây thường dùng là Thóc lép (*Desmodium gangeticum*), Muồng lạc (*Senna tora*), Bình vôi (*Stephania rotunda*), Mã tiền lông (*Strychnos ignatii*), Thiên niên kiện (*Homalomena occulta*), Cơm cháy (*Sambucus javanica*), Riềng gió (*Zingiber zerumbet*)...

Đặc biệt, có nhiều loài làm thuốc có trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) như: Cốt toái bỏ (*Drynaria fortunei*); Thần linh lá quế (*Kibatalia laurifolia*); Ba gạc (*Rauvolfia verticillata*); Ngũ gia bì hương (*Eleutherococcus nodiflorus*); Ngũ gia bì gai (*Eleutherococcus trifolius*); Giôi lông (*Michelia balansae*); Giôi lưa (*Magnolia odora*); Xương cá (*Psydrax dicoccos*); Lan kim tuyến (*Anoectochilus setaceus*) và Bách bộ (*Stemona kerrii*). Đây là một nguồn dược liệu quý hiếm cần phải có biện pháp bảo tồn và phát triển. Ngoài ra, các loài cây lấy gỗ có trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) là các loài Du sam núi đất (*Keteleeria evelyniana*); Nhọc trái khớp lá thon (*Enicosanthe plagiocarpum*); Chò nâu (*Dipterocarpus retusus*); Dẻ gai (*Castanopsis indica*); Cà ôi (*Lithocarpus bacgangensis*); Sồi đĩa (*Quercus platycalyx*)... Các loài này đang đứng trước một nguy cơ sẽ bị tuyệt chủng ngoài thiên nhiên trong một tương lai gần. Trong số các loài thực vật ở huyện Chợ Mới tỉnh Bắc Kạn được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam có 10 loài được xếp ở cấp độ EN (Nguy cấp) và 20 loài ở cấp độ VU (Sẽ nguy cấp) (bảng 5).

Bảng 5

**Danh lục thực vật huyện Chợ Mới tỉnh Bắc Kạn cần được bảo tồn**

ST T	Tên		Phân hạng	
	Khoa học	Việt Nam	NĐ32	SĐVN
	POLYPODIACEAE	HỌ DUỖNG XỈ		
1	<i>Drynaria fortunei</i> (Kuntze) J. Smith	Cốt toái bỏ		EN
	CYCADACEAE	HỌ TUẾ		
2	<i>Cycas balansae</i> Warb.	Sơn tuế	IIA	VU
	PINACEAE	HỌ THÔNG		
3	<i>Keteleeria evelyniana</i> Mast.	Du sam núi đất		VU
	TAXACEAE	HỌ BỤT MỘC		
4	<i>Taxus wallichiana</i> Zucc.	Thông đỏ lá dài		VU
	ANNONACEAE	HỌ NA		
5	<i>Cyathostemma vietnamense</i> Ban	Huyết thùng		EN
6	<i>Enicosanthe plagiocarpum</i> (Diels.) Ban	Nhọc trái khớp lá thon		VU
	APOCYNACEAE	HỌ TRÚC ĐÀO		
7	<i>Kibatalia laurifolia</i> (Ridl.) Woods.	Thần linh lá quế		VU
8	<i>Rauvolfia verticillata</i> (Lour.) Baill.	Ba gạc		VU
	ARALIACEAE	HỌ NGŨ GIA BÍ		
9	<i>Acanthopanax gracilistylus</i> W. W. Smith	Ngũ gia bì hương		EN
10	<i>Acanthopanax trifolius</i> (L.) Voss.	Ngũ gia bì gai		EN
	BIGNONIACEAE	HỌ NÚC NÁC		
11	<i>Markhamia stipulata</i> (Wall.) Schum.	Đinh	IIA	VU
	CAESALPINIACEAE	HỌ VANG		
12	<i>Erythrophleum fordii</i> Oliv.	Lim xanh	IIA	
13	<i>Sindora tonkinensis</i> A.Chev.ex K & Larsen	Gụ lau	IIA	EN
	DIPTEROCARPACEAE	HỌ DẦU		
14	<i>Dipterocarpus retusus</i> Blume	Chò nâu		VU

	CLUSIACEAE	HỌ BÚA		
15	<i>Garcinia fragraeoides</i> A. Chev.	Trai	IIA	EN
	FABACEAE	HỌ ĐẬU		
16	<i>Dalbergia tonkinensis</i> Prain	Sura	IA	VU
	FAGACEAE	HỌ DẺ		
17	<i>Castanopsis indica</i> (Roxb.)A.DC.	Dẻ gai		VU
18	<i>Lithocarpus bacgiangensis</i> Hickel & A. Camus	Cà ôi		VU
19	<i>Lithocarpus cerebrinus</i> Hickel & A. Camus	Dẻ đầu cụt		EN
20	<i>Quercus chrysocalyx</i> Hickel & A. Camus	Dẻ quang		VU
21	<i>Quercus platycalyx</i> Hickel & A. Camus	Sồi đĩa		VU
	JUGLANDACEAE	HỌ HỒ ĐÀO		
22	<i>Carya tonkinensis</i> H. Lec.	Mạy châu bắc		VU
	LECYTHIDACEAE	HỌ LỘC VỪNG		
23	<i>Barringtonia asiatica</i> (L.) Kurz	Bàng vuông		VU
	MAGNOLIACEAE	HỌ MỘC LAN		
24	<i>Michelia balansae</i> (DC.) Dandy	Giổi lông		VU
25	<i>Tsoongiodendron odorum</i> Chun	Giổi lụa		VU
	MELIACEAE	HỌ XOAN		
26	<i>Aglaia spectabilis</i> (Miq.) Jain & Bennet.	Gội nếp		VU
	MENISPERMACEAE	HỌ TIẾT DẺ		
27	<i>Fibraurea tinctoria</i> Lour.	Hoàng đằng	IIA	
28	<i>Stephania rotunda</i> Lour.	Củ bình vôi	IIA	
	RUBIACEAE	HỌ CÀ PHÊ		
29	<i>Canthium dicoccum</i> (Gaertn.) Teysm. & Binn.	Xương cá		VU
	SAPOTACEAE	HỌ HỒNG XIÊM		
30	<i>Madhuca pasquieri</i> (Dubard) H.J.Lam	Sến mật		EN
	TILIACEAE	HỌ ĐAY		
31	<i>Hainania trichosperma</i> Merr.	Mương khao		EN
	ORCHIDACEAE	HỌ LAN		
32	<i>Anoectochilus setaceus</i> Blume	Lan kim tuyến	IA	EN
	STEMONACEAE	HỌ BÁCH BỘ		
33	<i>Stemona saxorum</i> Gagnep.	Bách bộ đứng		VU

Thực vật ở huyện Chợ Mới tỉnh Bắc Kạn có 9 loài có tên trong Nghị định số 32/2006/NĐ-CP, trong đó có 2 loài được xếp vào nhóm IA (Thực vật rừng, nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại) là Sura (*Dalbergia tonkinensis*) và Lan kim tuyến (*Anoectochilus setaceus*); có 7 loài được xếp vào nhóm IIA (Thực vật rừng, hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại) là Tuế balansa (*Cycas balansae*), Đinh (*Markhamia stipulata*), Lim xanh (*Erythrophleum fordii*), Gụ lau (*Sindora tonkinensis*), Trai (*Garcinia fragraeoides*), Hoàng đằng (*Fibraurea tinctoria*) và Bình vôi (*Stephania rotunda*) (bảng 5).

### III. KẾT LUẬN

Xác định được danh lục thực vật tại huyện Chợ Mới tỉnh Bắc Kạn gồm 743 loài thuộc 517 chi, 138 họ và 5 ngành (Thông đất - Lycopodiophyta, Cỏ tháp bút - Equisetophyta Dương xỉ - Polypodiophyta, Thông - Pinophyta và Ngọc lan - Magnoliophyta). Trong đó phần lớn các taxon tập trung ở ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) với 704 loài, 491 chi và 119 họ, 4 ngành còn lại không ngành nào có số lượng loài vượt quá 5%.



Trong các nhóm dạng sống thì nhóm Cây chồi trên (Ph) có số lượng loài nhiều nhất. Phổ dạng sống (Biological Spectrum) thực vật như sau:

$$SB = 77,66 Ph + 5,0 Ch + 5,4 Hm + 5,92 Cr + 6,02 Th$$

Có 635 loài có ích với công dụng khác nhau, một loài có thể có hai hay nhiều công dụng. Có 9 loài có tên trong Nghị định số 32/2006/NĐ-CP, trong đó có 2 loài được xếp vào nhóm IA có 07 loài được xếp vào nhóm IIA. Trong số 30 loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) có 10 loài được xếp ở cấp độ EN (Nguy cấp) và 20 loài ở cấp độ VU (Sẽ nguy cấp).

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Tiên Bản** (chủ biên), 2005. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, Tập III.
2. **Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam**, 2007. Sách Đỏ Việt Nam, phần II - Thực vật. Nxb. KHTN&CN, Hà Nội.
3. **Võ Văn Chi**, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam, Nxb. Y học, Hà Nội, tập 1 - 2.
4. **Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam**, 2006. Nghị định về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, số 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2006.
5. **Phạm Hoàng Hộ**, 1999-2000, Cây cỏ Việt Nam, Nxb. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, tập I, II, III..
6. **Triệu Văn Hùng**, 2007. Lâm sản ngoài gỗ Việt Nam, Nxb. Bản đồ, Hà Nội.
7. **Trần Đình Lý**, 1993. 1900 loài cây có ích, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
8. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 1997. Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
9. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 2004. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
10. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 2007. Các phương pháp nghiên cứu thực vật, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.

#### FLORAL DIVERSITY OF CHO MOI DISTRICT, BAC KAN PROVINCE, VIETNAM

HOANG THI THUY HANG, HOANG VIET NGOC,  
HOÀNG VIET DUNG, NGUYEN THI NGUYET MINH  
SUMMARY

Floral surveys were conducted in Cho Moi district, Bac Kan province. The survey resulted in documentation of 743 plant species belonging to 517 genera, 138 families and 5 phyla (Lycopodiophyta, Equisetophyta, Polypodiophyta, Pinophyta and Magnoliophyta). The phylum Magnoliophyta was richest, having 704 species and 491 genera.

635 useful plant species were found. 9 species are listed in The Government Decree No. 32/2006 / ND-CP, of which 2 species are classified as IA category and 7 other species are classified as IIA category. There are 30 species listed in the Red Data Book of Vietnam (2007), of which 10 species are classified as endangered (EN) and 20 species – as vulnerable (VU).